

Công tác đào tạo đội ngũ biên phiên dịch các tác phẩm Hán nôm Phật giáo – Thực trạng và phương hướng

Trần Minh Anh*

*ThS, Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội

Received: 16/08/2024; Accepted: 26/08/2024; Published: 5/9/2024

Abstract: Many Buddhist documentaries are written in Sino-Vietnamese characters, among the many other Sino-Nom materials found in Vietnam. They have substantial contributions to Sino-Nom history and Buddhist heritage and are documented in several resources and databases. In this article, the structure of the Buddhist documentaries in the Sino-Nom characters are described and the translation situation of those documents are examined. The analytical result led to the proposal of training options aimed at enhancing the editorial and translation teams.

Keyword: Training and education; translation; editorial; Buddhist document; Sino-Nom characters; Buddhist translation.

1. Đặt vấn đề

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam ngay từ những thế kỷ đầu Công nguyên, được người Việt dần dần tiếp nhận, kết hợp với các yếu tố văn hóa bản địa và ngoại lai khác, hình thành nên một nền văn hoá vừa là tổng hoà của nhiều thành tố, lại vừa mang những nét riêng đặc sắc. Trong kho tàng tư liệu Hán Nôm ở Việt Nam, có một bộ phận tư liệu chiếm số lượng lớn và đóng vai trò quan trọng, đó là các trước tác Hán Nôm về đề tài Phật giáo, hiện được lưu trữ rải rác trong các kho tư liệu. Hệ thống tư liệu này khá phong phú, với nhiều thể tài, hình thức, nhằm chuyển tải nội dung và giá trị cốt lõi của Phật giáo đến với người Việt, đồng thời phản ánh khá rõ nét quá trình người Việt tiếp nhận và chuyển hoá kinh điển Phật giáo ở các cấp độ khác nhau.

Việc tiếp nhận và bản địa hoá kinh điển Phật giáo bắt đầu từ thuở Phật giáo mới du nhập vào đất Việt, không ngừng tiếp diễn cho đến tận ngày nay. Quá trình này luôn gắn với công việc chuyển ngữ và giảng giải kinh nghĩa, từ Phạn sang Hán, từ Hán sang Nôm, từ Hán Nôm sang tiếng Việt hiện đại, từ kinh văn Hán tạng sang các thể tài văn học Việt Nam,... để sao cho người Việt dễ hiểu, dễ tiếp thu nội dung kinh sách. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đi vào tìm hiểu về hệ thống tư liệu Hán Nôm Phật giáo hiện tồn và tình hình dịch thuật nhóm tác phẩm này, từ đó có cái nhìn đa chiều về hệ thống tư liệu và công tác đào tạo đội ngũ biên phiên dịch kinh điển hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số nét chính về các tác phẩm Hán Nôm Phật giáo Việt Nam

Căn cứ theo loại hình văn tự kết hợp đánh giá mức độ bản địa hoá, chúng tôi tạm xếp các trước tác Hán

Nôm Phật giáo Việt Nam thành các nhóm sau:

- Nhóm 1: Nhóm văn bản tiếp nhận nguyên văn nội dung các bộ kinh sách Phật giáo du nhập từ Trung Hoa, được người Việt tổ chức sao chép, khắc in, ấn tống, hoàn toàn không có sự can thiệp sửa chữa, thay đổi, thêm bớt về mặt nội dung của tác phẩm. Nhóm văn bản này chiếm số lượng khá nhiều, gồm các bộ kinh Phật và các sách chú giải cho kinh, được viết bởi các tác gia Trung Hoa nhằm hỗ trợ cho việc giải nghĩa kinh sách Phật giáo, giúp độc giả thông qua việc đọc các sách này để hiểu được nội dung kinh văn, lưu hành trong các chùa, chủ yếu để phục vụ mục đích tụng đọc hằng ngày và sử dụng trong các khoá lễ của chư tăng ni và Phật tử.

- Nhóm 2: Nhóm văn bản dùng chữ Hán hoặc kết hợp thêm chữ Nôm để chú giải cho nội dung kinh văn bằng chữ Hán, tiếp nhận một cách chọn lọc hệ thống chú giải của các tác gia Trung Hoa; người Việt có sự gia công biên tập, tuyển chọn, diễn đạt lại nội dung chú giải cho súc tích và dễ hiểu hơn. Trong một số sách, người chấp bút có thể đưa thêm quan điểm cá nhân vào phần chú giải. Nhóm văn bản này chiếm tỷ lệ không nhỏ trong các trước tác Hán Nôm Phật giáo, niên đại trải đều trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thời trung đại, do chữ Hán là loại văn tự được sử dụng chính thức trong triều đình, mang tính quan phương.

- Nhóm 3: Nhóm văn bản thuật lại nội dung kinh Phật bằng chữ Nôm, bám sát theo kinh văn chữ Hán. Phần giải âm Nôm này là phần phụ trong bố cục của tác phẩm, thường trình bày dạng song cước, gồm: một đoạn chính văn kinh Phật (chữ Hán) được viết cỡ chữ lớn; tiếp nối sau đó là phần giải âm Nôm cho kinh văn, cỡ chữ nhỏ bằng khoảng một nửa của kinh văn chữ Hán. Một số văn bản là sự kết hợp của nhóm 2 và

nhóm 3, tức là vừa có phần giải Nôm kinh văn, lại vừa có chú giải tiết yếu bằng chữ Hán. Đây là hình thức chú giải nổi bật trong nhóm văn bản Phật giáo do các thiền sư nổi tiếng chấp bút như Minh Châu Hương Hải, Phúc Điền,...

- Nhóm 4: Nhóm văn bản có nội dung diễn Nôm kinh Phật theo phương thức biểu đạt, thể tài văn học của người Việt (không đi kèm bản gốc kinh văn bằng chữ Hán), thường là thơ lục bát, song thất lục bát, biến ngẫu,... Phần đa các tác phẩm thuộc loại văn bản này có niên đại thời Lê trung hưng – Nguyễn, tiêu biểu như nhóm văn bản diễn Nôm của thiền sư Chân Nguyên, Tính Định,...

- Nhóm 5: Nhóm văn bản về đề tài Phật giáo, người chấp bút dùng chữ Hán hoặc chữ Nôm để đi sâu vào giảng giải nghĩa lý, đưa ra quan điểm, cách hiểu của cá nhân đối với tác phẩm kinh điển; mở rộng ra luận bàn về những vấn đề liên quan tác phẩm, giáo lý, hoặc vấn đề nào đó của Phật giáo. Nội dung nhóm văn bản này không nhất thiết là bám vào một bộ kinh sách cụ thể, mà có khi chỉ đi sâu vào lý giải những điểm cốt yếu của vấn đề chính được đưa ra luận bàn, hoặc trên cơ sở một tác phẩm kinh sách nào đó, người Việt chấp bút để viết phần tiếp theo (tục biên), liên quan trực tiếp đến người Việt và Phật giáo Việt Nam.

- Nhóm 6: Nhóm văn bản gồm các sáng tác văn học của người Việt lấy cảm hứng, đề tài từ Phật giáo (theo các thể tài văn học khác nhau), nhằm minh họa cho một triết lý hay nhân sinh quan của Phật giáo. Nhóm văn bản này có số lượng khá nhiều, nội dung rất phong phú, tác giả có cả người xuất gia và tại gia, nở rộ dưới thời Lê trung hưng - Nguyễn cùng với sự phát triển của văn học Việt Nam giai đoạn nửa sau thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX.

- Nhóm 7: Các văn bản phục vụ mục đích thực hành tôn giáo, tiêu biểu là hệ thống sách khoa nghi lưu hành trong các sơn môn, tự viện, phục vụ nhu cầu thực hành tín ngưỡng, tôn giáo của các cơ sở thờ tự.

Đây là các nhóm cơ bản, phân loại dựa trên yếu tố văn tự và nội dung, trong các nhóm này lại có thể chia thành nhóm nhỏ hơn, cụ thể hơn, tùy theo tính chất văn bản và phong cách riêng của mỗi tác gia. Việc xác định được thể loại, tính chất, đặc trưng văn bản,... sẽ giúp ích rất nhiều cho chúng ta trong việc lưu trữ, tra cứu tư liệu cũng như công tác chú giải, dịch thuật, bởi mỗi loại văn bản sẽ có những tính chất đặc thù riêng mà người làm công tác dịch thuật cần nắm vững.

2.2. Tình trạng chất lượng dịch thuật và nhu cầu đào tạo đội ngũ làm công tác dịch thuật Hán Nôm Phật giáo

Một trong những yếu tố quyết định đối với việc lựa chọn văn bản Hán Nôm để chuyển ngữ chính là

mức độ ứng dụng của văn bản đó trong thực tế. Có thể thấy, các bản Việt dịch của hệ thống tư liệu Phật giáo hiện nay tập trung vào dịch các bộ kinh Phật cơ bản, tính ứng dụng cao, mục đích chủ yếu phục vụ cho hoạt động tôn giáo của các cơ sở tự viện hoặc việc học tập của Phật tử xuất gia và tại gia, hoặc các kinh đã được sử dụng quen thuộc ở Việt Nam từ hàng trăm năm trước. Nhiều bản dịch trong số đó trùng bản kinh văn gốc, tức là cùng một bộ kinh nhưng được nhiều người chuyển ngữ, do vậy phổ biến tình trạng một kinh có nhiều bản dịch, nhưng xét theo số lượng văn bản nền thì không nhiều như số lượng bản dịch.

Số lượng các văn bản loại khác được lựa chọn chuyển ngữ sẽ giảm dần tỷ lệ thuận với mức độ ứng dụng trong thực tế và phạm vi sử dụng. Thế nên mặc dù kho tư liệu Hán Nôm Phật giáo khá lớn, nhiều tác phẩm chú giải kinh điển rất có giá trị về mặt nội dung, song do các sách đó về cơ bản không phục vụ mục đích tụng đọc và thực hành tôn giáo nên ít được lựa chọn chuyển ngữ sang tiếng Việt hiện đại, trừ một số ít bộ chú giải kinh điển phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy kinh sách trong nội bộ sơn môn hoặc trường đào tạo Phật học.

Một yếu tố nữa là độ khó của văn bản gốc. Nhiều tác phẩm tuy hay nhưng lại rất khó để chuyển ngữ, hoặc tác phẩm vừa mang giá trị tôn giáo lại vừa đồng thời là sản phẩm văn học nghệ thuật, là sự pha trộn của Phật giáo với các yếu tố văn hoá khác, do vậy chưa có bản Việt dịch, hoặc có bản dịch nhưng chưa thỏa mãn nhu cầu của độc giả.

Từ những đặc thù về tính chất văn bản cũng như đội ngũ dịch thuật hiện nay, các sản phẩm Việt dịch Hán Nôm Phật giáo cũng có những điểm riêng, khác với các mảng dịch thuật khác.

Các bản Việt dịch của hệ thống tác phẩm Hán Nôm Phật giáo có một bộ phận không nhỏ là những bản dịch cũ của chư vị thiền sư giai đoạn thế kỷ XX, đã được ấn hành và phổ biến rộng rãi khắp ba miền từ cách đây vài chục năm, thậm chí có những bản dịch có từ trước 1945. Rõ ràng phong cách diễn đạt tiếng Việt của thời đó khác nhiều so với phương thức biểu đạt hiện nay; đa phần các bản dịch đều không có hoặc có rất ít chú thích, chú giải, chủ yếu là các kinh sách cơ bản phục vụ mục đích tụng đọc trong nhà chùa. Hơn nữa, quan điểm dịch thuật của các vị dịch giả giai đoạn trước có nhiều điểm khác so với quan điểm dịch thuật ngày nay, nên nhiều bản dịch chưa thỏa mãn được nhu cầu đọc hiểu kinh sách và tiếp cận Phật học của độc giả hiện đại.

Một bộ phận bản dịch khác là của các dịch giả đương thời, với mong muốn đưa kinh điển Phật giáo đến gần hơn với người đọc hiện đại. Tuy nhiên, do

những ưu – nhược điểm của các dịch giả (như đã đề cập ở phần trước), nên các sản phẩm dịch thuật cũng mang các ưu – nhược điểm, tùy theo điểm mạnh – điểm yếu của mỗi dịch giả.

Từ thực tế đó, công việc dịch thuật các tác phẩm Hán Nôm Phật giáo nói riêng và dịch thuật các tác phẩm về tôn giáo nói chung đang đặt ra các nhu cầu thực tiễn và bức thiết đối với công tác đào tạo đội ngũ dịch thuật hiện nay.

Trong cả nước có một số cơ sở đào tạo liên quan tới chuyên môn Hán Nôm, như trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), Đại học Huế, Đại học Sư phạm Hà Nội,... Tuy vậy, chương trình đào tạo của các trường này chưa có môn học chuyên sâu về Hán Nôm Phật học, mà chỉ xếp vào một trong số các môn học trong chương trình (thường là tự chọn), mang tính chất giới thiệu. Do vậy sinh viên tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo này thường không có đủ kiến thức Phật học cơ bản để thực hiện một cách thuận lợi việc dịch thuật mảng tư liệu Phật giáo.

Tình trạng tương tự cũng xảy ra với các cơ sở đào tạo về Phật học, khi bộ môn Hán Nôm chưa có đủ sự đào tạo chuyên sâu, nên các học viên sau khi tốt nghiệp thường khá chật vật khi xử lý văn bản Hán Nôm Phật giáo do rào cản về ngôn ngữ và lý thuyết dịch.

Muốn nâng cao chất lượng của các bản dịch Hán Nôm Phật giáo thì rõ ràng phải tìm được giải pháp khắc phục điểm yếu của các nhóm đối tượng khác nhau, đã và đang theo đuổi công việc dịch thuật kinh sách Phật giáo. Đây là một công việc không hề dễ dàng, đòi hỏi sự đầu tư nghiêm túc cả về thời gian và công sức.

2.3. Một số giải pháp giúp cải thiện chất lượng dịch thuật và nâng cao năng lực đội ngũ dịch thuật

1- Tăng cường thời lượng và nội dung học Hán Nôm trong hệ thống các cơ sở đào tạo của Phật giáo, bởi các vị tu sĩ chính là những người hằng ngày tiếp xúc, sử dụng các văn bản tôn giáo này cho các mục đích khác nhau. Họ đã có sẵn nền tảng cơ bản về Phật học, trau dồi qua nhiều năm tu học; mặt khác trong các chùa còn lưu giữ ít nhiều tư liệu Hán Nôm quý giá do tiền nhân truyền lại. Vì thế, việc được học tập, đào tạo bài bản về Hán Nôm để có thể đọc hiểu thông thạo, kế thừa một cách hiệu quả kho tàng tri thức quý báu của tiền nhân cần phải được coi là nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi tăng ni sinh.

2- Tăng cường môn học về lĩnh vực Phật học trong các cơ sở đào tạo Hán Nôm, tạo môi trường để học viên được tiếp cận sâu hơn với các giáo lý Phật học cơ bản, đồng thời nắm được các loại hình cơ bản của

trước tác Hán Nôm Phật giáo, trang bị kiến thức nền, giúp học viên sau khi ra trường thuận lợi hơn trong việc tham gia công tác dịch thuật.

3- Mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng biên phiên dịch và bồi dưỡng kiến thức Phật học cho các nhóm hoặc tổ chức đang làm công tác biên phiên dịch tư liệu liên quan đến Phật học. Đây là một việc rất quan trọng và cần thiết, giúp bổ túc kiến thức nhanh chóng và thiết thực, hỗ trợ trực tiếp cho người làm dịch thuật. Tuy nhiên việc này không dễ dàng, do đòi hỏi nguồn kinh phí khá cao và khó khăn trong việc lựa chọn, mời được chuyên gia thực sự am tường về lĩnh vực hẹp này.

4- Tăng cường giao lưu, trao đổi học thuật giữa giới tu sĩ với giới nghiên cứu khoa học và người làm công tác dịch thuật, giúp đôi bên nâng cao tri thức, từ đó đẩy mạnh và cải thiện chất lượng của đội ngũ làm công tác dịch thuật, nghiên cứu về Phật học.

3. Kết luận

Cùng với những đổi thay của lịch sử, văn tự mà người Việt sử dụng đã chuyển từ Hán Nôm sang chữ quốc ngữ hiện đại, một bộ phận tư liệu Hán Nôm Phật giáo cũng được chuyển ngữ để đáp ứng nhu cầu sử dụng đa dạng của người Việt. Có một điểm thú vị, đó là số lượng bản dịch kinh sách Phật giáo sang tiếng Việt tuy khá nhiều song tính đa dạng dường như chưa cao, số lượng tác phẩm chưa được chuyển ngữ vẫn còn rất đồ sộ. Đây chính là mảnh đất còn bỏ ngỏ, đang chờ thế hệ làm công tác dịch thuật hiện đại khai phá.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi mới chỉ đưa ra được những đường nét sơ lược nhất về công tác đào tạo dịch thuật các tác phẩm Hán Nôm Phật giáo. Chúng tôi rất mong sẽ có thêm nhiều cơ hội để nghiên cứu sâu hơn về hệ thống tư liệu này, từng bước tiếp cận, khai thác và kế thừa giá trị quý báu của kho tư liệu di sản Phật giáo Việt Nam, phát huy hiệu quả những di sản của tiền nhân để lại.

Tài liệu tham khảo:

1. Jeremy Munday, Trịnh Lữ dịch (2009), *Nhập môn nghiên cứu dịch thuật*, NXB Tri Thức, Hà Nội.
2. Nguyễn Đăng Na (2021), *Con đường giải mã văn học Trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
3. Thích Quang Định (2022), “Lịch sử chú sớ Phật điển ở Việt Nam”, *Liễu Quán* – số 26, Huế.
4. Vương Văn Nhan, Thích Phước Sơn biên dịch (2017), *Lịch sử phiên dịch Hán tạng*, NXB Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam – Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1982), *Dịch từ Hán sang Việt – Một khoa học, một nghệ thuật*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.